TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2025/HNGĐ-ST
Ngày 08/8/2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hiếu;

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Bà Nguyễn Thị Bắc;

2. Ông Nguyễn Ngọc Ngát;

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh (Tòa án huyện S, tỉnh Bắc Giang cũ) mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 78/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Châu Thị T, sinh năm 1999; Căn cước công dân số 02419909677. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang (nay là Thôn B, xã A, tỉnh Bắc Ninh).

* Bị đơn: Anh Trần Văn G, sinh năm 1999; Chứng minh thư số 12236264. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang (nay là Thôn S, xã S, tỉnh Bắc Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Châu Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Văn G vào ngày 11/02/2020, tự nguyện lấy nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang (nay

là xã S, tỉnh Bắc Ninh). Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau tại gia đình anh G ngay. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2021, do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm, lối sống, bảo ban không ai nghe ai dẫn đến cãi chửi nhau và anh G hay tụ tập bạn bè không chịu làm ăn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh G được ly hôn nhau.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Châu Thị Đoan T1, sinh ngày 11/3/2018. Vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu Châu Thị Đoan T1 cho anh Trần Văn G trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

[2]. Bị đơn anh Trần Văn G hiện không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã giao cho gia đình anh G và niêm yết tại địa phương thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa để anh G biết đến làm việc tại Tòa án nhưng anh G vẫn vắng mặtoHoaf vẫn v, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh G.

[3]. Tại biên bản xác minh ông Trần Văn P trình bày:

Anh Trần Văn G là con trai của ông. Anh G đã đi làm ăn xa từ đầu năm 2025 thỉnh thoảng có việc mới về nhà, hiện nay anh G vắng mặt tại gia đình. Khi đi làm ăn, anh G chỉ bảo là đi làm nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể là ở đâu; Anh G vẫn gọi điện thường xuyên về cho gia đình và có công việc lại về qua nhà xong đi ngay.

Anh G kết hôn với chị T vào năm 2020, trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn; cưới xong chị T về gia đình ông ở chung cùng gia đình luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ bao giờ ông không nắm được.

Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trước khi đăng ký kết hôn Anh G và chị T có 01 con chung là cháu Châu Thị Đoan T1, sinh ngày 11/3/2018, hiện cháu đang ở cùng với gia đình ông; Ông đề nghị giao cho anh G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu.

[3] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn

chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự như không có mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không có mặt tại phiên tòa. Vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Châu Thị T được ly hôn anh Trần Văn G.

Về con chung: Giao cho chị Châu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Châu Thị Đoan T1, sinh ngày 11/3/2018. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai có quyền cản trở.

Về án phí: Chị Châu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Châu Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" đối với bị đơn anh Trần Văn G có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố số A, thị trấn A, huyện S (nay là xã S, tỉnh Bắc Ninh). Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh, theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39- Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15, ngày 25/6/2025.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Châu Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa; anh Trần Văn G vắng mặt lần 2 không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Châu Thị T và anh Trần Văn G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận tiến tới hôn nhân, đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang (nay là xã S, tỉnh Bắc Ninh) số 03 ngày 11/02/2020. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh G là hợp pháp.

Mâu thuẫn phát sinh từ đầu năm 2021, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, do anh G hay đi làm ăn xa không thường xuyên về nhà. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình".*

Xét thấy: Chị T và anh G đã xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, hai bên đã không quan tâm giúp đỡ đến nhau, không cùng chăm sóc, nuôi dạy con chung cũng như đã ly thân nhau về mặt tình cảm được một khoảng thời gian và cả hai không giải hòa được. Như vậy, chị T và anh H đã vi phạm nghĩa vụ chung sống vợ chồng, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T, cho chị T và anh G được ly hôn nhau theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh G có 01 con chung là cháu Châu Thị Đoan T1, sinh ngày 11/3/2018, hiện cháu T1 đang ở cùng với bố mẹ của anh G. Chị T đề nghị giao cháu Châu Thị Đoan T1 cho anh Trần Văn G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu. Xét thấy anh G hiện nay không có mặt ở địa phương, đi làm ăn xa và thường xuyên vắng nhà. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T1 nên giao cho chị Châu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu là hợp lý theo Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng chị T không đề nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị Thương yêu C xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15, ngày 25/6/2025; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Châu Thị T và anh Trần Văn G được ly hôn nhau.

[2]. Về con chung: Giao cháu Châu Thị Đoan T1, sinh ngày 11/3/2018 cho chị Châu Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3]. Về án phí: Chị Châu Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Chị Châu Thị T được khấu trừ vào số tiền 300.000đ nộp tạm ứng án phí DSST, theo biên lai số 0005432 ngày 24/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động (xác nhận chị T đã nộp đủ).

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 - BN;
- VKSND tỉnh BN;
- THADS khu vực 5 - BN;
- Các đương sự;
- UBND xã Sơn Động;
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Hiếu